

Bản án số: 136/2024/HC-PT

Ngày: 17/4/2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

 bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phan Văn Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 34/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 154/2023/HC- ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 509/2024/HC- ST ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Võ Văn H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Võ Văn H: bà Võ Thị T1, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Võ M - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ liên hệ: số A Ông Í, phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ. Địa chỉ: Số B H, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo uỷ quyền của UBND thị xã Đ: bà Nguyễn Thị Minh C - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị xã Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã Đ: ông Nguyễn Thanh V - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ. Địa chỉ: thôn X, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H1- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đ, thị xã Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Văn phòng Đ1. Địa chỉ: số I H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Văn C1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đ1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có nội dung như sau:

Thửa đất số 447a và một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15 (do Công ty Đ2 địa chính và công trình Hưng Bình đo vẽ), phần đất này do ông bà tổ tiên của ông để lại, trong thời kỳ chiến tranh đất bỏ hoang, bom mìn chiến tranh vùi lấp, sau này để trồng sắn và các loại cây ăn quả, trên phần đất này có xen kẽ mộ của ông bà ông, nhưng sau đó phần nhiều các ngôi mộ trên phần đất này đã được di dời ra nghĩa trang N, để lại phần đất trên và cha mẹ ông đã trồng sắn và cây ăn quả trên phần đất này, đến nay vẫn còn lại một số ngôi mộ chưa di dời hết. Trước khi cha mẹ ông qua đời đã giao toàn bộ phần đất này cho ông quản lý sử dụng từ năm 1990 đến nay, không bị ai tranh chấp hay khiếu nại gì và đã được chính quyền địa phương do ông thôn trưởng Nguyễn Đức M1 ký xác nhận ngày 01/7/2021 trong đơn trình bày nguồn gốc đất của ông.

Ngày 10/07/2021 ông đã nộp đơn ra UBND xã Đ để đề nghị UBND xã Đ trình UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối thửa đất số 447a và một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, với diện tích 736,5m².

Sau khi tiếp nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đối thửa đất số 447a và một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, UBND xã Đ đã ra Thông báo số 72/TB-UBND ngày 30/12/2021, về việc xác nhận tình trạng sử dụng đất và đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, với nội dung: Không đề nghị UBND thị xã Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối thửa đất số 447a và một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, với diện tích 736,5m², vì đây là đất công ích.

Ngày 04/01/2022, ông đã làm đơn khiếu nại vì không đồng ý với Thông báo số 72/TB-UBND ngày 30/12/2021 của UBND xã Đ, gửi UBND thị xã Đ và UBND thị xã Đ đã ra công văn số 51/UBND ngày 12/01/2022, chuyển UBND xã Đ kiểm tra, giải quyết khiếu nại và trả lời đơn khiếu nại của ông.

Ngày 19/01/2022 UBND xã Đ chủ trì phối hợp cùng Phòng Tài nguyên môi trường thị xã Đ và Chi nhánh văn phòng Đ3 để kiểm tra giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ Văn H (tại cuộc họp có ông Võ M tham dự theo văn bản uỷ quyền của ông Võ Văn H). Tại cuộc họp UBND xã Đ, Phòng Tài nguyên môi trường thị xã Đ và Chi nhánh văn phòng Đ3 kết luận: Theo sổ địa chính xã Đ, quyển 22, trang 159 và sổ Mục kê đất xã Đ quyển 04, trang 47 và sổ Mục kê đất xã Đ quyển 04, trang 48 thì phần đất mà ông Võ Văn H đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đất công ích của xã Đ và chủ sử dụng đất là UBND xã đã đăng ký tại sổ Mục kê của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Q.

Vợ chồng ông H nhận thấy phần đất gia đình ông đang quản lý sử dụng là đất do tổ tiên ông bà của ông để lại qua nhiều đời nay. Trong thời kỳ chiến tranh đất trở thành hoang phế, bom mìn chiến tranh vùi lấp. Sau năm 1975 cha mẹ ông đã về khai hoang, đã bỏ công sức mồ hôi thậm chí cả xương máu để có đất canh tác nuôi sống gia đình, nuôi các con ăn học để trở thành người có ích cho xã hội. Như vậy phần đất này là của gia đình ông, đất này không phải do UBND xã khai hoang, đất gia đình ông không bị thu hồi, ông cũng không tặng cho thì sao cho rằng đây là đất công ích của xã (Điều 132 Luật Đất đai 2013).

Nay căn cứ theo K1, K2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019, ông nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam với nội dung yêu cầu sau:

- Huỷ Công văn số 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q, xã Đ;

- Huỷ Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, trú tại thôn Q, xã Đ;

Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ xác định lại loại đất của thửa đất số 447a và một phần thửa đất 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 736,5m² tại xã Đ, hiện do ông Võ Văn H bà Phạm Thị T đang quản lý, sử dụng, không thuộc quỹ đất công ích 5% do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người khởi kiện thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 447a và một phần thửa đất 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 736,5m² tại xã Đ, hiện do ông Võ Văn H bà Phạm Thị T đang quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày:

Thực hiện quy định tại Điều 14 và Điều 15, Nghị định số 64-CP ngày 07/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, UBND xã Đ đã xác lập quỹ đất công ích 5% trên địa bàn, trong đó có thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 1465m², và thửa đất số 447a, tờ bản đồ số 15, diện tích 515m², loại đất: Đất ruộng màu (ĐRM) và được đăng ký vào sổ Địa chính tại trang số 159 do UBND xã Đ quản lý.

Từ cơ sở trên, căn cứ Điều 132 của Luật Đất đai năm 2013, việc ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T thuộc UBND thị xã Đ xác định lại loại đất của thửa đất số 447a và một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 766,5m² tại xã Đ hiện cho ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T quản lý, sử dụng không thuộc quỹ đất công ích 5% do UBND xã Đ quản lý theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và trình bày của UBND xã Đ tại phiên tòa:

Thực hiện quy định tại Điều 14 và Điều 15, Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, UBND xã Đ đã xác lập quỹ đất công ích 5% trên địa bàn, trong đó có thửa đất số 336, tờ bản đồ số 15, diện tích 1465m² và thửa đất số 447a, tờ bản đồ số 15, diện tích 515m², loại đất: Đất ruộng màu (ĐRM) và được đăng ký vào sổ Địa chính tại trang số 159 do UBND xã Đ quản lý.

Căn cứ theo khoản 2, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nêu: “Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn”. Việc ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T đề nghị huỷ Công văn số 221/CV- UBND ngày 20/12/2022 của UBND xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q và huỷ công văn số 09/CV-UBND ngày 26/01/2022 của UBND xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q là không có cơ sở.

Tại biên bản làm việc giữa đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam với UBND xã Đ ngày 23/8/2023, Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày như sau:

Liên quan đến thửa đất 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, thôn Q, xã Đ cấp cho hộ ông Võ Văn M2 và hộ ông Tường Văn L, theo quyết định 1077/QĐ-UB ngày 16/4/1992 của UBND tỉnh Q - Đà Nẵng (cũ) và Quyết định số 7728/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 của UBND huyện Đ.

Các quyết định trên hiện nay UBND xã Đ có lưu trữ hay không? việc điều chỉnh quy hoạch đối với 02 thửa đất trên có đúng với thực tế không, hiện trạng sử dụng đất hiện nay của các hộ dân trên như thế nào? Ý kiến của UBND xã đối với phân đất đã cấp cho 02 hộ dân trên và một phần còn lại của thửa đất 447a, 447b như thế nào?

Qua kiểm tra hồ sơ, ông Nguyễn Văn H1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Đ cung cấp các thông tin như sau:

- Đối với quyết định 1077/QĐ-UB ngày 16/4/1992 của UBND tỉnh Q - Đà Nẵng (cũ) và Quyết định số 7728/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 của UBND huyện Đ hiện nay UBND xã Đ, thị xã Đ không có lưu giữ.

- Hiện trạng thửa đất 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, thôn Q, xã Đ đã có sự thay đổi về diện tích do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) đã cấp đất cho hộ ông Võ Văn M2, hộ ông Tường Văn L nhưng UBND xã Đ, thị xã Đ chưa điều chỉnh diện tích trong sổ địa chính. Hiện trạng 02 thửa đất trên hiện đang sử dụng vào mục đích đất ở nông thôn.

- Quan điểm của UBND xã Đ về phần diện tích đất còn lại của 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, thôn Q, xã Đ đối với yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn H, Võ Văn L1: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản làm việc này thay cho Báo cáo số 49/BC-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc ý kiến trong vụ án hành chính thụ lý số 58/TLHC-ST ngày 19/4/2023 và Báo cáo số 51/BC-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc ý kiến trong vụ án hành chính thụ lý số 35/TLHC-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn Phòng Đ1 trình bày:

Văn phòng Đ1 nhận được Thông báo số: 58/TLST-HC ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc thụ lý vụ án hành chính do ông Võ Văn H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1978, cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, Văn phòng Đ1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nội dung khởi kiện: Yêu cầu Tòa án hủy Công văn số: 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của UBND thị xã Đ về việc trả lời đơn của ông Võ Văn H; Hủy Công văn số: 09/UBND ngày 26/01/2022 của UBND xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết đơn của ông Võ Văn H; Buộc UBND thị xã Đ xác định loại đất của thửa đất số 447a và một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 736,5m² tại xã Đ, hiện cho ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T đang quản lý, sử dụng, không thuộc quỹ đất công ích 5% do UBND xã Đ quản lý theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung các thông báo, kết quả kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hồ sơ có liên quan, Văn phòng Đ1 có ý kiến như sau:

Theo nội dung Thông báo số: 58/TLST-HC ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì không có nội dung khởi kiện liên quan đến Văn phòng Đ1. Do vậy, Văn phòng Đ1 không có nội dung để tham gia ý kiến trong vụ án nói trên.

Với những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 157/2023/HC- ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116 ; Điều 158; khoản 2 Điều 173; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 100; Điều 101, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T đối với yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ tiếp nhận hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, diện tích 567,9m², thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m² tại thôn Q, xã Đ cho ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Bác một phần cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T đối với các yêu cầu:

- Huỷ một phần Công văn số 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Huỷ một phần Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T đối với các yêu cầu:

- Huỷ một phần Công văn số 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến các thửa đất số 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, diện tích 456,9m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Huỷ một phần Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến các thửa đất số 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, diện tích 456,9m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Kiến nghị UBND xã Đ, thị xã Đ thực hiện lập hồ sơ đăng ký, xin cấp Giấy CNQSDĐ lần đầu đối với thửa đất số 447a, 447b, tờ bản đồ số 15, diện tích 456,9m², loại đất trồng cây lâu năm, tại thôn Q, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Võ Văn H. Kèm theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 04 - 2023 do Văn phòng Đ1 xác lập ngày 13/9/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2023, người khởi kiện, ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo một phần Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo ông H, bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam là không đúng pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đối với thửa đất số 447a, tờ bản đồ số 15, diện tích 456,9m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam nhưng xác định loại đất trồng cây lâu năm là không đúng.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà Võ Thị T2 đại diện theo ủy quyền của ông H, bà T xin rút lại nội dung kháng cáo về việc xác định đất trồng cây lâu năm đối với thửa đất số 447a, tờ bản đồ số 15, diện tích 456,9m², xã Đ, giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T, sửa Bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà T cung cấp bổ sung văn bản có 10 người làm chứng xác nhận tình trạng sử dụng thửa đất của ông H, bà T, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, bà T.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo đã rút, bác kháng cáo của ông H, bà T, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Võ Văn H2 và bà Phạm Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, UBND thị xã Đ, UBND xã Đ đều không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H2, bà T, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Kháng cáo của ông H2, bà T3 hợp lệ, trong thời hạn luật định.

[1.3]. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện

người kháng cáo đề nghị xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xem xét kháng cáo của người khởi kiện, ông Võ Văn H và bà Phạm Thị T đối với một phần Bản án hành chính sơ thẩm, liên quan thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Theo ông Võ Văn H trình bày, nguồn gốc một phần thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, do ông bà tổ tiên của ông H để lại, trong thời kỳ chiến tranh đất bỏ hoang, bom mìn chiến tranh vùi lấp, trên phần đất này có xen kẽ mộ của ông bà, sau đó phần nhiều các ngôi mộ trên phần đất này đã được di dời ra nghĩa trang N, đến nay vẫn còn lại một số ngôi mộ chưa di dời hết, trên đất cha mẹ ông H đã trồng sắn và cây ăn quả. Trước khi cha mẹ ông H qua đời đã giao toàn bộ phần đất này cho ông H quản lý sử dụng từ năm 1990 đến nay, không bị ai tranh chấp hay khiếu nại gì và đã được chính quyền địa phương do ông thôn trưởng Nguyễn Đức M1 ký xác nhận ngày 01/7/2021, trong đơn nói rõ nguồn gốc đất của ông H và lời khai của một số người làm chứng về việc sử dụng đất.

[2.2]. Tuy nhiên, theo hồ sơ Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, phần diện tích 307,1m² nằm trong thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.465m² loại đất: Đất ruộng màu (ĐRM) và được đăng ký vào sổ Địa chính tại trang số 159 do UBND xã Đ quản lý. UBND xã Đ đã xác lập là quỹ đất công ích của xã.

Xét thấy, quá trình sử dụng diện tích 307,1m², thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, hộ ông H không kê khai, đăng ký quyền sử dụng thửa đất, không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Ngoài lời khai của ông H và lời trình bày của một số người làm chứng về nguồn gốc và việc sử dụng đất của ông H, bà T (*gồm các ông, bà Tường Đ; Huỳnh Văn T4; Võ Văn L1; Võ T5; Lê Văn A; Nguyễn Thị B; Võ Văn P; Tường Văn T6 và Nguyễn Thị L2, đều cư trú tại thôn Q, xã Đ*), ông H không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, đối với lời xác nhận của các nhân chứng chỉ xác định việc ông H, bà T có sử dụng đối với các thửa đất, với những lời trình bày của ông H, bà T cũng như lời khai của những người làm chứng, không có căn cứ xác định quyền sử dụng đất của ông H hoặc quyền sử dụng đất do ông bà để lại. Như vậy, không có cơ sở để xác định phần đất có diện tích 307,1m², tại thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15 thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn H. Mặt khác, hiện nay toàn bộ thửa đất 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.465m², chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào, chưa được điều chỉnh quy hoạch, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất, do vậy, vẫn là đất công ích do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý.

[3]. Theo nội dung Công văn số 221/CV-UBND và Công văn số 09/UBND có một phần nêu lại loại đất được kê khai theo hồ sơ Nghị định 64/CP của thửa đất 436, tờ bản đồ số 15 và nêu các quy định của pháp luật về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Điều 19 Nghị

định 43/2014/NĐ-CP, các quy định về cập nhật chính lý trong hồ sơ địa chính, trình tự cập nhật chính lý trong hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Tại Bản án sơ thẩm đã bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T về việc yêu cầu huỷ một phần nội dung 02 Công văn này liên quan đến thửa đất 436, tờ bản đồ số 15, xã Đ, là có căn cứ, đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài việc người kháng cáo cung cấp thêm lời trình bày xác nhận của một số người làm chứng thì không có tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của người khởi kiện.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu huỷ một phần nội dung 02 Công văn số 221/CV-UBND và Công văn số 09/UBND liên quan đến thửa đất 436, tờ bản đồ số 15, xã Đ, theo yêu cầu của người khởi kiện, bác kháng cáo của ông H, bà T, giữ nguyên phần Quyết định của Bản án sơ thẩm đối với các yêu cầu: Huỷ một phần Công văn số 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam và Huỷ một phần Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

[5] Các Quyết định của Bản án sơ thẩm hành về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, án phí sơ thẩm, kiến nghị của Hội đồng xét xử sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 229; khoản 1, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về yêu cầu xác định loại đất đối với thửa đất số 447a, tờ bản đồ số 15, diện tích 456,9m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

2. Bác kháng cáo của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T về yêu cầu huỷ một phần nội dung Công văn số 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, và Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, trú tại thôn Q, xã Đ, phần liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, giữ nguyên

phẩm Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 157/2023/HC- ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có kháng cáo.

3. Áp dụng Điều 100; Điều 101, khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai 2013;

4. Tuyên xử:

- Bác một phần cầu khởi kiện của ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T đối với các yêu cầu:

- Huỷ một phần Công văn số 221/CV-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc trả lời đơn cho ông Võ Văn H, thường trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Huỷ một phần Công văn số 09/UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc kiểm tra, giải quyết và trả lời đơn của ông Võ Văn H, trú tại thôn Q, xã Đ liên quan đến thửa đất số 436, tờ bản đồ số 15, diện tích 307,1m², xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

5. Các Quyết định của Bản án sơ thẩm hành về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, án phí sơ thẩm, kiến nghị của Hội đồng xét xử sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Võ Văn H, bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000585 ngày 11/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi